TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Linh, ông Dương Văn Nhạ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bính - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Ngày 14/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Tĩnh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2025/HNGĐ-ST, ngày 24/7/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/10/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh ngày 01/12/1980, Căn cước công dân số: 042080014604; Nơi đăng ký HKTT: Cụm H, Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Hà Tĩnh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 042077014155. Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố B, phường B, tỉnh Hà Tĩnh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 02/8/1990, Căn cước công dân số: 042190003580; Nơi đăng ký HKTT: Cụm H, Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Quang H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị V kết hôn với nhau vào ngày 04/7/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng về

chung sống tại nhà mẹ anh khoảng 05 năm, đến năm 2019 anh làm nhà ở Hồ N đón vợ cùng hai con xuống. Đến khoảng năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống không hòa hợp, anh thường xuyên đi làm xa, vợ chồng sống cách xa nhau nên cũng không có điều kiện hàn gắn, níu kéo tình cảm nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, hiện tại, mỗi người đều có quan điểm suy nghĩ và cuộc sống riêng không hòa hợp, không ai quan tâm đến ai, hạnh phúc hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên xin ly hôn để đảm bảo cuộc sống của hai bên.

- *Về quan hệ con chung:* Quá trình hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị V có 02 con chung: Nguyễn Thảo N, sinh ngày 11/5/2015, Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/4/2018. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T, giao cháu Nguyễn Thảo N cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án vì điều kiện công việc anh Nguyễn Quang H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đồng thời có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Minh H1 trực tiếp nhận các văn bản tố tụng và thông báo cho anh H những nội dung có liên quan, trực tiếp làm việc về phân chia tài sản chung vợ chồng nếu chị V vẫn có yêu cầu phân chia tài sản chung. Còn về tình cảm, con chung, anh đã trình bày đầy đủ tại các buổi làm việc trước đó, anh xin giữ nguyên ý kiến.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:* Chị và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống 5 năm ở nhà chồng tại xã T, đến năm 2019, xây nhà riêng chuyển xuống sống tại thị xã H. Tình cảm vợ chồng đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng không xô xát, đánh đập nhau, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhưng chị không có lỗi gì với chồng con và gia đình chị mong muốn đoàn tụ, gia đình hạnh phúc để nuôi dưỡng các con khôn lớn trưởng thành có bố, có mẹ, có gia đình đầm ấm như bao gia đình khác. Về con chung vợ chồng có hai con chung, cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 11/5/2015, cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/4/2018, hiện hai cháu đang sống cùng chị. Nếu Toà án giải quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi hai con đến tuổi trưởng thành để các cháu có chị có em vì đã thiếu tình cảm của bố mà mỗi đứa một nơi chị không chăm lo nhắc nhở giáo dục được thường xuyên các cháu dễ hư hỏng. Hơn nữa, với tấm lòng và trái tim người mẹ chị không muốn rời xa con mình khi các cháu còn rất non dại. Nếu được trực tiếp nuôi dạy các con chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho đến khi các con trưởng thành, mỗi tháng từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng/hai cháu. Về tài sản chung

vợ chồng: Quá trình chung sống giữa chị và anh H đã xây dựng và mua sắm được một số tài sản chung trong đó có hai tài sản lớn đứng tên vợ chồng là 2 mảnh đất kèm với tài sản gắn liền trên đất: Mảnh đất thứ nhất số CO 059835 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 28/7/2018; Thửa đất số 172; tờ bản đồ số 7; diện tích 152,7 m² trị giá khoảng 1.500.000.000₫; nguồn gốc đất: nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị N1, trên mảnh đất này vợ chồng đã xây một ngôi nhà 2 tầng tổng diện tích trên 200m² trị giá khoảng 2.500.000.000₫ tại tổ dân phố A, phường B, tỉnh Hà Tĩnh tính theo giá thị trường tại thời điểm đất ở cộng nhà ở khoảng 4.000.000.000₫ (Bốn tỷ đồng). Ngoài ra, vợ chồng còn mua sắm được các đồ dùng vật dụng trong nhà như bàn ghế, tivi, tủ lạnh, máy giặt, xe ô tô và xe máy....trị giá hơn 600.000.000₫ (Sáu trăm triệu đồng). Mảnh đất thứ hai số CU 259582 do Sở TN và MT tỉnh N cấp ngày 21/01/2021; thửa đất số 567; tờ bản đồ số 29; diện tích 220,9m² nguồn gốc: nhận chuyển nhượng đất được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất tại xóm C, xã N, thành phố V cũ (nay là phường V) tỉnh Nghệ An theo giá thị trường tại thời điểm hiện tại khoảng 4.200.000.000₫ (Bốn tỷ, hai trăm triệu đồng). Tổng tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là khoảng 8.800.000.000₫ (Tám tỷ, tám trăm triệu đồng). Chị mong muốn vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản nếu không thỏa thuận được đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2025, chị Nguyễn Thị V nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 50.000.000 đồng (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000081)

Ngày 11/9/2025, chị Nguyễn Thị V có Đơn yêu cầu Luật sư ủy quyền giải quyết vụ án cho ông Đậu Xuân Đ1 - Luật sư của Công ty L, kèm theo các thủ tục phân công, thẻ luật sư, giấy ủy quyền.

Ngày 18/9/2025, chị Nguyễn Thị V có Đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngày 03/10/2025, chị Nguyễn Thị V nộp phiếu thu của Công ty cổ phần T1 giá và giám định Tiên Phong thẩm định giá quyền sử dụng đất diện tích 152,7m^2 và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 172, tờ bản đồ số 7, địa chỉ TDP1, phường B, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 059835, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00110 do UBND thị xã H cấp ngày 27/8/2018 cho ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị V. Giá trị tài sản thẩm định là 3.055.112.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản số tiền 18.000.000 đồng.

- Ngày 21/10/2025, chị Nguyễn Thị V có Đơn trình bày với nội dung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị có làm đơn đề nghị xem xét phân chia tài sản chung vợ chồng, nhưng đến thời điểm này, chị và chồng đã thỏa thuận thống nhất tài sản, anh Nguyễn Quang H có toàn quyền sử dụng tài sản chung vợ chồng, và có

trách nhiệm giao lại cho chị số tiền 1.700.000.000 đồng. Chị xin rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng, đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này. Đối với số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Về chi phí thẩm định giá và các chi phí liên quan khác chị đã nộp, chị chịu trách nhiệm thanh toán không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Cùng ngày 21/10/2025, chị Nguyễn Thị V có Đơn xin từ chối người đại diện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tại Tòa án với nội dung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị có yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng và đã có văn bản ủy quyền cho Công ty L, cụ thể là ông Đậu Xuân Đ1 là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị nhưng nay vợ chồng chị đã thống nhất về tài sản, vì vậy chị xin chấm dứt ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền.

- Ngày 30/10/2025, chị Nguyễn Thị V có Đơn trình bày ý kiến với nội dung: Vợ chồng chị đã có sự thỏa thuận và thống nhất với nhau về các vấn đề có liên quan. Bằng văn bản này, chị xin trình bày ý kiến như sau: Về tình cảm: Chị thống nhất ly hôn với anh Nguyễn Quang H, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng chị. Về con chung: Giữa chị và anh H có 02 con chung, khi ly hôn, chị thống nhất mỗi người nuôi một con chung, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con gái Nguyễn Thảo N, anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con trai Nguyễn Minh T, vợ chồng tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cùng ngày 30/10/2025, chị Nguyễn Thị V có Đơn xin xét xử vắng mặt.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28. Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung và cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Minh T cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thảo N cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bị đơn chị Nguyễn Thị V

- Về tài sản: Nguyên đơn anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Đình chỉ đối với yêu cầu về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị V.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quang H, chị Nguyễn Thị V mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho anh Nguyễn Quang H 225.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị V 50.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị V đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quang H yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị V và yêu cầu được nuôi con chung do đó xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt các đương sự: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị V đã tuân thủ các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 04/7/2014 tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà mẹ anh H ở xã T được khoảng 05 năm, đến năm 2019 vợ chồng xây nhà riêng chuyển xuống thị xã H sinh sống. Đến khoảng năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, thường xuyên xích mích, cãi vã. Quá trình này diễn ra và kéo dài trong nhiều năm, giữa vợ chồng không xảy ra đánh đập nhau, nhưng đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, thời điểm đầu chị V có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nuôi dạy con cái, nhưng đến nay chị V đã trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H.

Từ trình bày của đương sự và trên cơ sở tình trạng hôn nhân thực tế của anh H, chị V, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa hai người đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị V.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị V có 02 con chung: Nguyễn Thảo N, sinh ngày 11/5/2015, Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/4/2018. Anh H thu nhập bình quân mỗi tháng 20.000.000 đồng, chị V làm kế toán, mức lương bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng. Cả anh H và chị V đều đảm bảo điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy các con chung. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T, giao cháu Nguyễn Thảo N cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị V cũng thống nhất nội dung này. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của các con chung. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa các đương sự: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/4/2018 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Thảo N, sinh ngày 11/5/2015 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về yêu cầu cấp dưỡng, anh H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị V cũng đã thống nhất nội dung này và tự nguyện rút yêu cầu cấp dưỡng nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc tự nguyện rút yêu cầu và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị V.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án xem xét. Chị Nguyễn Thị V có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, đến ngày 21/10/2025, chị V đã có văn bản trình bày ý kiến đề nghị rút toàn bộ yêu cầu về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc tự nguyện rút yêu cầu và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị V. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Trả lại cho chị Nguyễn Thị V 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Về chi phí thẩm định giá và các chi phí liên quan khác chị V đã nộp, chị chịu trách nhiệm thanh toán, không yêu cầu Tòa án xử lý nên miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Về điều luật áp dụng: khoản 1 Điều 28. Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị V.

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/4/2018 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con chung Nguyễn Thảo N, sinh ngày 11/5/2015 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chấp nhận việc tự nguyện rút yêu cầu và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị V.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Chấp nhận sự tự nguyện rút yêu cầu và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị V.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0000880, ngày 24/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Nay trả lại cho anh Nguyễn Quang H 225.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Thị V phải nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị V số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000081, ngày 03/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Về chi phí tố tụng khác: Về chi phí thẩm định giá và các chi phí liên quan khác chị Nguyễn Thị V đã nộp, chị chịu trách nhiệm thanh toán, không yêu cầu Tòa án xử lý nên miễn xét.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang H, chị Nguyễn Thị V, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- THA Dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đức Đồng (để xóa ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạnh